

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Thanh;

- Ông Trần Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên;

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980, có mặt.

Địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn E, sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/01/2018 và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2000 chị và anh Huỳnh Văn E được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, sung sống đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, chị cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, đến tháng 7 năm 2017 thì chị và anh E sống ly thân đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Huỳnh Văn E.

Về con chung: có một đứa con chung tên Huỳnh Vĩ K, sinh ngày

19/01/2001, hiện con chung do anh E nuôi dưỡng; khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh E tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: không có.

- *Bị đơn anh Huỳnh Văn E trình bày:*

Thông nhất theo lời trình bày của chị N đã nêu về điều kiện, thời gian tiến đến hôn nhân, giữa anh và chị N tiến đến hôn nhân năm 2000 và đến nay không có đăng ký kết hôn là đúng, cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị N không được hạnh phúc, do đó chị N xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: có một đứa con chung tên Huỳnh Vĩ K, sinh ngày 19/01/2001 như chị N trình bày là đúng và anh đang nuôi dạy, khi ly hôn anh xin quyền nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu của mình; không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[2] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh E kết hôn năm 2000, chung sống như vợ chồng đến nay mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình nên trường hợp này chị N, anh E có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của chị N và anh E.

[3.2] Về quan hệ con chung: chị N và anh E thống nhất có một đứa con chung tên Huỳnh Vĩ K, sinh ngày 19/01/2001 và thống nhất giao con chung

(Huỳnh Vĩ K) cho anh E nuôi dưỡng, việc thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: anh Huỳnh Văn E không yêu cầu cấp dưỡng và chị Nguyễn Thị N không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh E không yêu cầu chia tài sản chung và thống nhất khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Huỳnh Văn E không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn E là vợ chồng.

2. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn E, theo đó anh Huỳnh Văn E được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Vĩ K, sinh ngày 19/01/2001.

Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị N không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giao dục, nuôi dạy con chung, mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể thay đổi người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004016 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- Tòa án tỉnh (1)
- VKS huyện (1);
- THA huyện (1);
- Lưu vp, hs (2).

Châu Nam Phú

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 5 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Muth So Ny;
2. Bà Huỳnh Thị Thanh.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc “Xin ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980.
2. Bị đơn: An Huỳnh Văn E, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xE xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- * Về quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp xin ly hôn*”: Biểu quyết 3/3
- Về áp dụng pháp luật:
 - Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
 - Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
 - Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn E là vợ chồng.

Biểu quyết 3/3

2. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn E, theo đó anh Huỳnh Văn E được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Vĩ K, sinh ngày 19/01/2001.

Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị N không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giao dục, nuôi dạy con chung, mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể thay đổi người nuôi con.

Biểu quyết 3/3

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004016 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Biểu quyết 3/3

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Biểu quyết 3/3

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút, ngày 30 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nam Phú